

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 114/2026/HS-PT

Ngày: 02-7-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Thọ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Huy

Ông Võ Ngọc Giàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 83/2026/TLPT-HS ngày 20 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo Lê Hưng T và Lê Vũ L. Do có kháng cáo của các bị cáo Lê Hưng T và Lê Vũ L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2026/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực B – Đồng Tháp.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lê Vũ L**, sinh năm 1996 tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Tên gọi khác: Không có; CCCD số: 082096013572; Nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 10/12; Con ông Lê Văn Đ và bà Cao Thị Tuyết T1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/01/2025 đến ngày 16/01/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Hưng T**, sinh năm 1993 tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); Tên gọi khác: Không có; CCCD số: 082093004481; Nơi cư trú: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là Khu phố Q, phường N, tỉnh Đồng Tháp); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 08/12; Con ông Lê Đức H và bà Ngô Thị Thanh N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 02/4/2018 bị Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ hung khí”. Bị cáo đã thi

hành xong quyết định ngày 05/4/2018. Ngày 13/5/2019 bị Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 26/QĐ-TA). Bị cáo chấp hành xong Quyết định ngày 01/12/2021; Bị cáo được điều tra tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có các bị cáo Trần Anh D, Lê Thanh K, Nguyễn Khánh D1, Trần Mai Trường Á, Phan Văn C, Phạm Tấn P, Lương Quốc D2, Nguyễn Chí T2, Đặng Nguyễn Nhật Q, Nguyễn Quốc T3, Hồ Hải L1, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Quốc D3, Trần Dương Thiện N1, Nguyễn Hoàng V; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Trần Anh D, Lê Thanh K, Nguyễn Khánh D1, Trần Mai Trường Á, Phan Văn C, Phạm Tấn P, Lê Vũ L, Lương Quốc D2, Nguyễn Chí T2, Đặng Nguyễn Nhật Q, Nguyễn Quốc T3, Hồ Hải L1, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Quốc D3, Trần Dương Thiện N1, Lê Hưng T và Nguyễn Hoàng V bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Khu vực B, tỉnh Đồng Tháp) truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Thanh K (Trùm B) sống như vợ chồng với Đặng Thị Ngọc V1, sinh ngày 05/9/1994, thường trú ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An và cả hai thuê nhà tại khu phố M, phường N, thị xã C (cấp Quốc lộ A) mở quán bán phở. Khoa dự kiến tổ chức sinh nhật vào ngày 09/01/2025 nên dựng rạp, sân khấu và thuê dàn nhạc công suất lớn để tổ chức tiệc và ca hát, nhảy múa tại quán phở của K.

Khoảng 18 giờ ngày 09/01/2025, có khoảng 200 khách đến dự, đa phần là thanh thiếu niên, trong đó có đối tượng có tiền án, tiền sự và các đối tượng phức tạp về an ninh trật tự trên địa bàn thị xã C và các huyện lân cận. Trong lúc tổ chức tiệc, khách mời ngồi bàn ăn uống rượu bia, đồng thời tiệc có mở dàn nhạc âm thanh lớn để ca hát, nhảy múa trong khuôn viên quán của K.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi các khách mời tham gia ca hát nhảy múa ở ven đường Q thì Trần A1 Dùng tự ý lấy ra 05 hộp pháo hoa, mỗi hộp có 49 ống pháo và đem 05 hộp pháo để trên dải phân cách cố định bằng bê tông của Quốc lộ A rồi dùng châm lửa đốt pháo. Khi pháo hoa nổ và bay lên phát ra ánh sáng rực rỡ thì có khoảng 20 - 30 đối tượng chạy ra đường Quốc lộ ở cả 03 làn đường để nhảy múa hò hét, quay phim và chụp ảnh trên quốc lộ, trong đó có đối tượng chặn xe làm cho các phương tiện giao thông không lưu thông được, gây rối trật tự công cộng. Sự việc xảy ra khoảng 10 phút, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông và xâm phạm trật tự công cộng, gây ách tắc giao thông cục bộ trên Quốc lộ A trong một quãng thời gian. Sau đó, Công an phường N nắm sự việc đến yêu cầu giải tán thì nhóm thanh niên dự tiệc sinh nhật mới giải tán.

Quá trình điều tra, xác định những đối tượng tham gia đốt pháo hoa, nhảy múa gồm: Kết quả xác minh làm rõ hành vi của các đối tượng như sau:

+ Trần Anh D: Pháo hoa Dừng có được để sử dụng trên là do người bạn (không rõ họ tên là người Campuchia) cho D trước đó, khi đi sinh nhật thì D mang theo. Trong khi dự tiệc sinh nhật K, thấy nhạc mở lớn, mọi người nhảy múa ca hát thì D lấy pháo m để 05 hộp pháo trên dải phân cách cố định bằng bê tông của Quốc lộ A rồi dùng châm lửa đốt pháo, pháo hoa đã gây tiếng nổ và phát ra ánh sáng và khói pháo đã kích thích cho nhiều đối tượng tràn ra Q nhảy múa, hò hét gây rối trật tự công cộng. Việc đốt pháo hoa do D tự thực hiện, không bàn bạc với ai, không xin phép chính quyền địa phương.

+ Lê Thanh K chủ tiệc tổ chức tiệc sinh nhật mời đông khách đến nhà ven Quốc lộ A dự tiệc ca hát nhảy múa, khi D đem pháo hoa ra giữa lộ đốt thì K không ngăn cản. Khoa cưỡi trần, đầu đội nón kết đứng giữa đám đông đi ra làn đường giữa (làn số 2) và đi vào 03 làn.

+ Nguyễn Khánh D1 cưỡi trần, mặc quần jeen màu xám, trên người có hình xăm tham gia đốt pháo hoa với D. Khi pháo hoa nổ và phát sáng, D1 tham gia nhảy múa trên làn đường số 1 và làn số 2.

+ Trần Mai Trường Â người cưỡi trần, mặc quần shot màu cam. Khi pháo hoa đang nổ, Â tham gia nhảy múa trên làn đường số 1 và số 2.

+ Phan Văn C mặc áo thun ngắn tay màu đen, quần jeen dài màu đen, mang giày màu trắng, đội mũ đen tham gia nhảy múa trên làn đường số 2 khi pháo hoa đang nổ.

+ Phạm Tấn P mặc áo sơ mi dài tay màu hồng, mặc quần dài bằng vải màu đen, mang giày màu đen trắng. Khi pháo hoa đang nổ thì P đứng nhảy múa trên ghế inox ở làn đường số 1. Sau đó cùng bị cáo Nguyễn Thị Thúy A chạy ra làn đường số 2, ôm nhau nhảy múa.

+ Nguyễn Thị Thúy A mặc đầm ngắn màu đen, mang dép quai ngang màu nâu, chân trái có hình xăm, tóc xỏa dài nhuộm màu vàng. Khi pháo hoa đang nổ thì A đứng ôm Phạm Tấn P nhảy múa ở làn đường số 2 và làn đường số 1. Sau đó, A tiếp tục đi vào làn đường sát dây phân cách (làn số 3) đứng trên ghế inox nhảy múa.

+ Lê Vũ L mặc áo thun màu đen, ngắn tay có chữ màu vàng, mặc quần short màu hồng. Khi pháo hoa đang nổ, L cưỡi trần tham gia nhảy múa trên làn đường số 2 với động tác nhảy múa là hai tay cầm ghế đưa lên cao.

+ Lương Quốc D2 mặc áo sơ mi màu trắng ngắn tay, mặc quần kaki dài màu đen. Khi pháo hoa đang nổ, D2 tham gia nhảy múa trên làn đường số 2.

+ Nguyễn Chí T2 là người mặc áo thun màu đen, mặc quần thun (short) màu đen, chân phải có hình xăm cá chép. Khi pháo hoa đang nổ, T2 tham gia nhảy múa trên làn đường số 2, với động tác nhảy múa là hai tay đưa lên cao.

+ Đặng Nguyễn Nhật Q mặc áo thun màu trắng ngắn tay, quần vải dài màu đen, đội mũ màu xám, tay trái có hình xăm hoa văn màu xanh đen. Khi pháo hoa

đang nổ, Q tham gia nhảy múa trên làn đường số 1 và số 2 với động tác nhảy múa là hai tay đưa lên cao.

+ Nguyễn Quốc T3 mặc áo sơ mi màu trắng ngắn tay, mặc quần jeen dài, mang dép quai ngang màu trắng. Khi pháo hoa đang nổ, T3 tham gia nhảy múa trên làn đường số 2 và làn đường số 1, với động tác nhảy múa là hai tay đưa lên cao.

+ Hồ Hải L1 (Luân 3 Búa) mặc áo sơ mi trắng, mặc quần jeen màu xanh, đội mũ lưỡi trai màu trắng, trên cổ có choàng áo thun màu đen. Khi pháo hoa đang nổ L1 tham gia nhảy múa trên làn đường số 1 và số 2 với động tác nhảy múa là hai tay đưa lên cao.

+ Nguyễn Quốc D3, có hành vi đi từ trong lề lộ chạy ra dây phân cách, 2 tay cầm hộp pháo hoa cuối đưa lên cao khi pháo hoa đang nổ và cháy sáng.

+ Lê Hưng T có hành vi cởi trần nhảy múa ở làn đường số 2 gần vị trí của Nguyễn Quốc D3.

+ Trần Dương Thiện N1 đi ra làn đường số 2 nhảy múa.

+ Nguyễn Hoàng V có hành vi cởi áo, nhảy múa liên tục từ lề lộ cho đến làn đường số 3.

Vật chứng thu giữ:

- *Thu giữ tại hiện trường:*

+ 03 giàn pháo hoa cùng loại, kích thước (7,5 x 7,5 x 10) cm, bên ngoài có dòng chữ KS4 - 4911X. (Ký hiệu B)

+ 01 vỏ viên pháo hoa bằng giấy, màu xám, hình trụ tròn có kích thước cao 06 cm, đường kính 02 cm. (Ký hiệu B)

- *Thu giữ qua khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Thanh K tại khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang:* 02 vĩ pháo hoa đã qua sử dụng, mỗi vĩ có 49 viên pháo, vỏ viên pháo bằng giấy hình trụ tròn, đường kính 2,5 cm cao 10 cm, bên ngoài viên pháo có dòng chữ KS4 - 49AB Balliant Bloom. (Ký hiệu A)

- *Nguyễn Chí L2 giao nộp:* 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu vàng và 01 đoạn clip dài 12 phút 48 giây.

- *Lê Trí T4 giao nộp:* 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone và 06 đoạn clip gồm:

+ Đoạn clip dài 22 giây.

+ Đoạn clip dài 47 giây.

+ Đoạn clip dài 27 giây.

+ Đoạn clip dài 23 giây.

+ Đoạn clip dài 31 giây.

+ Đoạn clip dài 50 giây.

- *Thu giữ của Trần Tuấn D4, sinh ngày 11/9/1996, thường trú ấp T, xã T,*

thị xã C, tỉnh Tiền Giang: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng.

- Phan Văn C tự nguyện giao nộp:

+ 01 khẩu súng ngắn dạng súng ổ quay dài 185mm, thân súng bằng nhựa màu đen, nòng súng, ổ quay bằng kim loại màu đen, tay cầm bằng nhựa màu nâu, trên nòng súng có ghi ký hiệu “ 357 MAG” , thân súng ghi ký hiệu “XIAO YUELIANG” “MADE IN CHINA” số súng “XYL240102223”; (Ký hiệu A1)

+ 02 viên đạn bằng kim loại dài 25 mm, vỏ đạn màu vàng đen, đầu đạn màu xám đen, mặt ngoài đáy đạn có cùng ký hiệu N; (Ký hiệu A2)

+ 01 khẩu súng ngắn dạng súng ổ quay bằng kim loại màu trắng dài 195mm, ốp tay cầm bằng nhựa màu đen, trên súng ghi số súng “18Q08442”. Hiện tại bộ phận cò súng và búa đập không liên kết với nhau; (Ký hiệu A3)

+ 04 viên đạn có vỏ đạn bằng kim loại màu vàng dài 22 mm, đầu đạn bằng nhựa màu đen, mặt ngoài đáy đạn có cùng ký hiệu YAS GLD 9mm PAK. (Ký hiệu A4)

Xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đang tạm giữ:

- 01 thùng giấy carton được niêm phong, dán kín, trên thùng được dán giấy có hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh T (Bên trong có 03 giàn pháo hoa cùng loại, kích thước (7,5 x 7,5 x 10) cm; 01 vỏ viên pháo hoa bằng giấy, màu xám, hình trụ tròn có kích thước cao 06 cm, đường kính 02 cm và 02 vĩ pháo hoa đã qua sử dụng, mỗi vĩ có 49 viên pháo, vỏ viên pháo bằng giấy hình trụ tròn, đường kính 2,5 cm, cao 10 cm);

- 01 bì thư giấy dán kín, mặt trước bì thư có ghi chữ: “vụ số: 499/KL-KTHS ngày 08/5/2025, mặt sau bì thư có hình dấu tròn giáp lai của Phòng K1 Công an tỉnh T (bên trong có đĩa CD-R và VCD-R)”;

- 01 bì thư giấy nguyên vẹn, mặt trước bì thư có ghi chữ: “vụ số: 500/KL-KTHS ngày 02/5/2025, mặt sau bì thư có hình dấu tròn giáp lai của Phòng K1 Công an tỉnh T (bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của Lê Trí T4)”;

- 01 bì thư giấy nguyên vẹn, mặt trước bì thư có ghi chữ: “vụ số: 501/KL-KTHS ngày 26/5/2025, mặt sau bì thư có hình dấu tròn giáp lai của Phòng K1 Công an tỉnh T (bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 của Trần Tuấn D4)”;

- 01 bì thư giấy nguyên vẹn, mặt trước bì thư có ghi chữ: “vụ số: 502/KL-KTHS ngày 27/5/2025, mặt sau bì thư có hình dấu tròn giáp lai của Phòng K1 Công an tỉnh T (bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max của Nguyễn Chí L2)”.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T chuyển Cơ quan an ninh điều tra 02 khẩu súng và 06 viên đạn.

*** Kết luận giám định:**

Bản kết luận giám định số: 100/KL-KTHS, ngày 24/01/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- Mẫu vật ký hiệu A:

- + Trên mẫu vật này tìm thấy dấu vết của thuốc pháo
- + Mẫu vật là phần còn lại của pháo sau khi sử dụng (vỏ pháo sau khi đốt)
- + Không đủ cơ sở xác định là loại pháo gì do đã được sử dụng
- + Mẫu vật có tổng khối lượng là 1890 gam

- Mẫu vật ký hiệu B

- + Trên mẫu vật này tìm thấy dấu vết của thuốc pháo
- + Mẫu vật là phần còn lại của pháo sau khi sử dụng (vỏ pháo sau khi đốt)
- + Không đủ cơ sở xác định là loại pháo gì do đã được sử dụng
- + Mẫu vật có tổng khối lượng là 2974 gam.

Bản kết luận giám định số: 499/KL-KTHS ngày 08/5/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- Trong tập tin video Ký hiệu A, theo thời lượng trình chiếu video: Phát hiện thấy hình ảnh không liên tục ở thời điểm 01 phút 43 giây. Tuy nhiên, không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh video từ 00 phút đến 01 phút 43 giây, từ 01 phút 43 giây đến 12 phút 48 giây.

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 05 tập tin video giám định ký hiệu từ A1 đến A5.

- Tập tin video giám định ký hiệu A6: Không xác định được hình ảnh phát trên màn hình xuất hiện trong tập tin video này có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không, do video được ghi hình bằng hình thức ghi lại màn hình đang trình chiếu video.

Bản kết luận giám định số 68/KL-KTHS (Đ2) ngày 15/01/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- Khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1 nguyên là súng đồ chơi nguy hiểm, hiện tại khẩu súng đã được cải tạo lại buồng chứa đạn, nòng súng và thêm bộ phận kim hỏa để bắn được với loại đạn thể thao cỡ (5.6x15.5)mm, khẩu súng nêu trên còn đầy đủ các bộ phận, lắp ráp đúng vị trí và bắn được đạn nổ. Khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1 là vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng.

- Đạn gửi giám định ký hiệu A2 là đạn thể thao cỡ (5.6x15.5)mm và không phải vũ khí quân dụng. Loại đạn này thường sử dụng để bắn cho một số súng cỡ nòng 5,6mm như: Súng ám sát hình bút, TOZ8... các loại súng chế tạo thủ công có đường kính buồng đạn 6mm và khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1.

- Sử dụng khẩu súng gửi giám định ký hiệu A1 bắn với đạn gửi giám định ký hiệu A2, đạn nổ vào cơ thể người có thể gây thương tích hoặc chết người.

- Khẩu súng gửi giám định ký hiệu A3 là súng được chế tạo thủ công từ súng đồ chơi nguy hiểm, hiện tại khẩu súng đã được cải tạo lại buồng chứa đạn, nòng súng và thêm bộ phận kim hỏa để bắn được với loại đạn cao su cỡ (9x22)mm, khẩu súng nêu trên còn đầy đủ các bộ phận và bắn được đạn nổ. Khẩu súng gửi giám định ký hiệu A3 là súng có tính năng, tác dụng tương tự như súng bắn đạn cao su và thuộc danh mục công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí quân dụng.

- Đạn gửi giám định ký hiệu A4 là đạn cao su cỡ (9x22)mm và thuộc danh mục công cụ hỗ trợ. Loại đạn này thường sử dụng để bắn cho một số súng công cụ hỗ trợ và khẩu súng gửi giám định ký hiệu A3.

- Sử dụng khẩu súng gửi giám định ký hiệu A3 bắn với đạn gửi giám định ký hiệu A4, đạn nổ đến cơ thể người có thể gây thương tích.

Bản kết luận giám định số: 171/2025/KLGD ngày 21/5/2025 của Trung tâm P1 kết luận đối với Phan Văn C: Tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm pháp luật vào ngày 09/01/2025 và hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, do giai đoạn bệnh thuyên giảm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2026/HS-ST ngày 19/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực B – Đồng Tháp đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Anh D, Lê Thanh K, Nguyễn Khánh D1, Trần Mai Trường A, Phan Văn C, Phạm Tấn P, Lê Vũ L, Lương Quốc D2, Nguyễn Chí T2, Đặng Nguyễn Nhật Q, Nguyễn Quốc T3, Hồ Hải L1, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Quốc D3, Trần Dương Thiện N1, Lê Hưng T và Nguyễn Hoàng V đã phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

* Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Trần Anh D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/01/2025.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Khánh D1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/01/2025.

- Xử phạt bị cáo Lê Hưng T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

* Áp dụng Điểm c, e Khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/01/2025.

* Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Điểm q, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Phan Văn C 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/01/2025.

* Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Điểm s Khoản 1

Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Trần Mai Trường Â 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 10/01/2025.

- Xử phạt bị cáo Lê Vũ L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/01/2025 đến ngày 16/01/2025.

* Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D3 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Phạm Tấn P 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T3 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Dương Thiện N1 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Đặng Nguyễn Nhật Q 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng V 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lương Quốc D2 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Hồ Hải L1 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T2 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy A 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ của người được hưởng án treo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Các ngày 22 và 30 tháng 01 năm 2026, các bị cáo Lê Vũ L và Lê Hưng T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Vũ L yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cung cấp tài liệu mới là cha và mẹ lớn tuổi, bị bệnh làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo Lê Hưng T yêu cầu được hưởng án treo và không cung cấp tài liệu gì mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tiến hành tố tụng của cơ quan tố tụng của Thẩm phán và Thư ký thực hiện cơ bản đầy đủ.

Về nội dung: Hành vi của các bị cáo Lê Vũ L và Lê Hưng T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về “*Gây rối trật tự công cộng*” theo điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo Lê Vũ L và Lê Hưng T là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, đã có xem xét, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo;

Các tài liệu chứng cứ mới mà bị cáo L cung cấp là cha mẹ lớn tuổi đang bị bệnh không thuộc trường hợp là người cao tuổi và không phải là bệnh hiểm nghèo theo quy định pháp luật nên không được xem tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo: Lê Vũ L và Lê Hưng T.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng: Bị cáo L xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo T xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Vũ L và Lê Hưng T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo Lê Thanh K có tổ chức sinh nhật vào ngày 09/01/2025 tại quán của bị cáo thuộc Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp) nên dựng rạp, sân khấu và thuê dàn nhạc công suất lớn để tổ chức tiệc và ca hát, nhảy múa tại quán phở của K. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày có khoảng 200 khách đến dự. Trong lúc tổ chức tiệc, khách mời ngồi bàn ăn uống rượu bia, đồng thời tiệc có mở dàn nhạc âm thanh lớn để ca hát, nhảy múa trong khuôn viên quán của K.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi các khách mời tham gia ca hát nhảy múa ở ven đường Q thì Trần A1 Dừng tự ý lấy ra 05 hộp pháo hoa, mỗi hộp có 49 ống pháo và đem 05 hộp pháo để trên dải phân cách cố định bằng bê tông của Quốc lộ A rồi dùng châm lửa đốt pháo. Khi pháo hoa nổ và phát sáng thì các bị cáo Lê Thanh K, Nguyễn Khánh D1, Trần Mai Trường A, Phan Văn C, Phạm Tấn P, Lê Vũ L, Lương Quốc D2, Nguyễn Chí T2, Đặng Nguyễn Nhật Q,

Nguyễn Quốc T3, Hồ Hải L1, Nguyễn Thị Thúy A, Nguyễn Quốc D3, Trần Dương Thiện N1, Lê Hưng T và Nguyễn Hoàng V chạy ra nhảy múa trên 03 làn đường của Quốc lộ A, gây cản trở giao thông nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lê Hưng T và Lê Vũ L đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Theo quy định Điều 318 Bộ luật Hình sự quy định:

“Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng;

...”.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật xong vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự chung, vi phạm nếp sống văn minh, quy tắc của cuộc sống xã hội, ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường ở những nơi công cộng. Các bị cáo là người đã trưởng thành, khi thực hiện hành vi, các bị cáo thừa biết hành vi của mình là trái pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Chứng tỏ hành vi của các bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau, các bị cáo đều là người thực hành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Hưng T và Lê Vũ L đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bị cáo Lê Vũ L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo Lê Hưng T xin được hưởng án treo.

Bị cáo Lê Hưng T không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới để làm căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Bị cáo L cung cấp tình tiết cha mẹ lớn tuổi đang bị bệnh nhưng không thuộc trường hợp là người cao tuổi và không phải là bệnh hiểm nghèo theo quy định pháp luật nên không được xem tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ.

Ngoài ra bị cáo Lê Hưng T không có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên việc cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T là chưa đúng và cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo Lê Hưng T và Lê Vũ L là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đã có xem xét, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo;

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp nên chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Hưng T và Lê Vũ L.

2. Tuyên bố các bị cáo Lê Hưng T và Lê Vũ L phạm tội “Tội gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Hưng T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Vũ L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành hình phạt tù được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 10/01/2025 đến ngày 16/01/2025.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 21, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Hưng T và Lê Vũ L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực B – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Thọ